

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **151/2023/DS-ST**

Ngày: 15-9-2023

V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh;
2. Ông Nguyễn Thái Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 468/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1401/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P;

Địa chỉ: T22 Toà nhà M, số 229 T, quận Đ, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Hương G – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Thanh T – Giám đốc công ty Bảo hiểm P (Theo giấy ủy quyền ngày 25/11/2022);

Địa chỉ liên lạc: 117 H, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Võ An Q, sinh năm 1974;

Địa chỉ: 95/13K, H, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ;

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Q vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các bản tự khai, đại diện

theo ủy quyền của nguyên đơn ông Chu Thanh T trình bày:

Ông Võ An Q nguyên là Trưởng Phòng Giao dịch số 1 Ngân Hàng N chi nhánh Đ. Phòng Giao dịch Số 1 – Ngân Hàng N chi nhánh Đ, có chức năng cho khách hàng vay vốn để mua xe ô tô và các tài sản khác. Khi khách hàng đến vay vốn, để bảo đảm tài sản của Ngân hàng cho vay, khách hàng phải cần mua Bảo hiểm, trong đó có mua của Công ty Bảo hiểm P. Khi mua Bảo hiểm xong, khách hàng nộp lại tiền Bảo hiểm cho ông Võ An Q, sau đó ông Q có trách nhiệm phải chuyển trả lại số tiền đó cho Công ty Bảo hiểm P. Tuy nhiên, trong quá trình đã thu tiền của khách hàng, ông Q không trả hết cho P mà chỉ trả từng ít một và chiếm dụng số tiền còn lại. Cụ thể như sau:

Căn cứ vào các biên bản xác nhận công nợ và Biên bản xác nhận công nợ phí Bảo hiểm ngày 30/05/2017, giữa Công ty Bảo hiểm P và ông Võ An Q, thì ông Q đang còn nợ Công ty Bảo hiểm P tính đến ngày 31/12/2016 với số tiền là: 1.669.673.777 đồng (Một tỷ, sáu trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi ba ngàn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng). Trong Biên bản xác nhận công nợ và cam kết thanh toán, ông Q đề xuất phương án và cam kết thanh toán như sau: Bắt đầu từ ngày 15/06/2017 thanh toán số tiền 50.000.000 đồng, đến ngày 30/06/2017 thanh toán tiếp với số tiền 50.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 01/07/2022 trở đi, định kỳ hàng tháng ông Võ An Q phải thanh toán số tiền 50.000.000 đồng/tháng, thanh toán mỗi lần hàng tháng cho đến khi hết toàn bộ số công nợ tồn đọng nêu trên. Ngoài ra ông Võ An Q còn cam kết trong trường hợp năng lực tài chính của bản thân tốt lên so với hiện tại thì sẽ rút ngắn thời gian thanh toán bằng cách tăng số tiền thanh toán mỗi lần lên so với kế hoạch nêu trên. Trong Biên bản ông Q đã thể hiện ý chí và xác nhận số công nợ nêu trên, cam kết thực hiện trả nợ theo kế hoạch nêu trên, chấp nhận chịu thêm lãi suất do chậm trả kể từ thời điểm phát sinh công nợ nếu như trong trường hợp vi phạm cam kết, ông Q xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và P.

Phản trả nợ của ông Võ An Q:

- Ngày 15/06/2017 ông Q trả nợ số tiền: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).
- Ngày 30/12/2017 ông Q trả nợ số tiền: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).
- Ngày 10/04/2018 ông Q trả nợ số tiền: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).
- Ngày 20/06/2018 ông Q trả nợ số tiền: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).
- Ngày 05/12/2018 ông Q trả nợ số tiền: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Tổng cộng số tiền ông Võ An Q đã trả cho P đến thời điểm này là: 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Tổng số tiền công nợ ông Võ An Q còn nợ lại P với số tiền là: 1.559.673.777 đồng (Một tỷ, năm trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi ba ngàn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

Trong những năm qua, Công ty Bảo hiểm P đã liên lạc bằng nhiều biện pháp, gửi công văn yêu cầu thanh toán công nợ phí Bảo hiểm, cử cán bộ gọi điện thoại và đến nhà để thu nợ nhưng ông Võ An Q luôn tìm mọi cách cố tình dây dưa, trì hoãn, không chịu thanh toán số công nợ phí Bảo hiểm trên cho Công ty Bảo hiểm P.

Để bảo vệ tài sản quyền lợi ích hợp pháp của mình, Công ty Bảo hiểm P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ An Q phải thanh toán hết số tiền công nợ phí Bảo hiểm là: 1.559.673.777 đồng (Một tỷ, năm trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi ba ngàn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Võ An Q đã được tổng đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về việc cung cấp tài liệu chứng cứ, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, đối chiếu các quy định của pháp luật; có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí ông Võ An Q phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- ***Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:*** Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P khởi kiện ông Võ An Q thanh toán tiền công nợ phí Bảo hiểm do ông Q chiếm giữ. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định Tổng

Công ty Cổ phần Bảo hiểm P là nguyên đơn, ông Võ An Q là bị đơn; Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

- **Về thẩm quyền giải quyết:** Ông Võ An Q có cư trú tại phường Q, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- **Về thủ tục tố tụng khác:** Ông Chu Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Võ An Q đã được tổng đạt (niêm yết) hợp lệ 02 lần (quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và quyết định hoãn phiên tòa) nhưng vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án không làm việc được với ông Q nhưng căn cứ vào Biên bản xác nhận công nợ phí Bảo hiểm và Cam kết thanh toán ngày 30/05/2017, giữa Công ty Bảo hiểm P và ông Võ An Q nhận thấy đã có đủ cơ sở xác định ông Võ An Q có nợ Công ty Bảo hiểm P số tiền 1.669.673.777 đồng là có thật và từ ngày đó cho đến nay, ông Q chỉ mới trả cho Công ty Bảo hiểm P được 110.000.000 đồng nên căn cứ theo đó thì ông Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã niêm yết chứng cứ khởi kiện và các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng ông Q vẫn không có ý kiến phản hồi, cố tình vắng mặt, do vậy xem như ông Q đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận nợ. Do đó việc khởi kiện tranh chấp số tiền 1.559.673.777 đồng của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Công ty Bảo hiểm P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P, buộc ông Võ An Q phải trả cho Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P tổng số tiền là 1.559.673.777 đồng (Một tỷ, năm trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi ba ngàn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Võ An Q phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng. Do nguyên đơn đã đóng tạm ứng chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng, do đó buộc bị đơn có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Võ An Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 158, 165, 228, 264, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P đối với bị đơn ông Võ An Q về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”,

Buộc ông Võ An Q phải trả cho Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P số tiền 1.559.673.777 đồng (Một tỷ, năm trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi ba ngàn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hết các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. *Về chi phí tố tụng:* Buộc ông Võ An Q có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng cho Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P.

3. *Về án phí:* Ông Võ An Q phải chịu 58.790.000 đồng (Năm mươi tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P số tiền 29.395.107 đồng (Hai mươi chín triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn một trăm lẻ bảy đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006940 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Hòa